

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5-VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 177/2026/HNGĐ-ST.

Ngày: 15/7/2026

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
giữa bà N và ông T”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-VĨNH LONG-TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bé Em

2. Bà Phạm Thu Hồng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Thái Khang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Huỳnh Nhung - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 409/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2026/QĐXX-ST ngày 30 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Phan Thị Kim N, sinh năm: 1988

CCCD: A

Địa chỉ: ấp C, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. **Bị đơn:** Ông Trần Minh T, sinh năm: 1959

CCCD: B

Địa chỉ: B, H, phường A, tỉnh Vĩnh Long

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Lê Thị Khánh N1, sinh năm 1961.

CCCD: 083161012147

Địa chỉ: A khu phố B, phường P, tỉnh Vĩnh Long

Bà N, ông T có mặt. Bà N1 yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/02/2026, Bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị Kim N trình bày:

Bà và ông T kết hôn vào năm 2023, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 20/10/2023 do tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm về tiền bạc và việc nuôi dạy con,

ông T thường xúc phạm bà và gia đình, không chịu tổ chức đám cưới với bà. Bà đã nhiều lần trao đổi với ông T nhưng không tìm được cách giải quyết, vợ chồng không thể hàn gắn. Bà ông T sống riêng với nhau từ khi kết hôn đến nay. Nay tình cảm giữa bà và ông T không còn nên bà xin ly hôn với ông T.

Về con chung: có 01 con chung tên Trần Tuệ Đ sinh ngày 21/9/2024, cháu Đ hiện đang sống chung với bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu giao con chung cho ông T nuôi, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung: có nợ của bà Lê Thị Khánh N1 03 chỉ vàng 24k, 13 chỉ vàng 18K và 100.000.000đồng.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Minh T trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà N về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn. Ông kết hôn với bà N một cách nghiêm túc, gia đình hai bên có gặp nhau dùng cơm thân mật, hai bên hẹn tháng 06/2024 sẽ tổ chức đám cưới nhưng do bà N có thai nên không đồng ý tổ chức đám cưới vào thời gian trên. Bà N muốn tổ chức đám cưới liền nhưng khi đó ông không có khả năng. Sau khi cưới, ông vẫn đi đi về về giữa hai nhà, mỗi tháng ông sống chung với bà N và con từ 20 đến 25 ngày. Sau khi kết hôn, các khoản tiền ăn uống, học hành của con riêng bà N, chi phí sinh hoạt gia đình đều do ông lo, ông có chuyển khoản và có đưa tiền mặt cho vợ tôi hàng tháng. Khoảng 02 tháng nay do ông không còn tiền nên vợ chồng có mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc. Ông cũng có bàn bạc với bà N từ giờ đến tháng 09/2026 sẽ tổ chức đám cưới nhưng bà N không trả lời ông và chặn các liên lạc của ông. Ông không đồng ý ly hôn với bà N vì còn thương bà N. Ông không có xúc phạm gia đình bà N như bà N trình bày.

Về con chung: có 01 con chung tên Trần Tuệ Đ sinh ngày 21/9/2024. Trường hợp nếu Tòa án giải quyết cho ông bà ly hôn, ông yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung: có nợ của bà Lê Thị Khánh N1 03 chỉ vàng 24k và 13 chỉ vàng 18K và 100.000.000đồng.

Tại bản tự khai, Đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Khánh N1 trình bày:

Năm 2024 bà có cho Trần Minh T mượn 03 chỉ vàng 24k, cho Phan Thị Kim N mượn 13 chỉ vàng 18k và đứng vay cho Phan Thị Kim N số tiền 100.000.000đồng. Bà không yêu cầu Trần Minh T và Phan Thị Kim N trả cho bà số tiền và vàng nêu trên trong vụ án này. Trường hợp có tranh chấp bà sẽ khởi kiện vụ án khác. Do không tranh chấp nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt bà.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long có ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự được bảo đảm quyền và nghĩa vụ của mình đúng luật định.

Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Kim N.

- Về hôn nhân: bà ông T được nuôi con chung tên Trần Tuệ Đ sinh ngày 21/9/2024. Ghi nhận ông T không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con
- Về tài sản chung: bà N và ông T cùng khai không có nên không xem xét
- Về nợ chung: bà Lê Thị Khánh N1 không yêu cầu bà N và ông T chịu trách nhiệm trả nợ nên không xem xét. Bà N1 được quyền khởi kiện vụ án khác nếu có tranh chấp
- Án phí: bà N phải chịu 300.000đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Phan Thị Kim N khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Trần Minh T nên quan hệ tranh chấp giữa bà Phan Thị Kim N và ông Trần Minh T là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; hiện nay, ông T đang cư trú tại phường A, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Khánh N1 có Đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà N và ông T tự nguyện kết hôn vào năm 2023, có đăng ký kết hôn và được ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/10/2023 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy bà N và ông T không thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng nhưng mâu thuẫn giữa ông bà thực tế có xảy ra. Ông T tuy không đồng ý ly hôn với bà N nhưng cũng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà N cũng xác định hiện không còn tình cảm với ông T. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N.

[2.2] Về con chung: bà N và ông T có 01 con chung tên Trần Tuệ Đ sinh ngày 21/9/2024. Bà N và ông T thỏa thuận sau khi ly hôn ông T trực tiếp nuôi con chung, việc các đương sự thỏa thuận là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên ghi nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: ghi nhận ông T không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: bà N và ông T cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: bà Lê Thị Khánh N1 không yêu cầu bà N và ông T chịu trách nhiệm trả nợ nên không xem xét. Bà N1 được quyền khởi kiện vụ án khác nếu có tranh chấp

[3] Về án phí: căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[4] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

- Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Phan Thị Kim N và ông Trần Minh T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Tuệ Đ sinh ngày 21/9/2024 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc ông T không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: bà N và ông T khai cùng không có nên Hội đồng xét xử không xem xét

4. Về nợ chung: bà Lê Thị Khánh N1 không yêu cầu bà N và ông T chịu trách nhiệm trả nợ trong vụ án nên không xem xét. Bà N1 được quyền khởi kiện vụ án khác nếu có tranh chấp.

5. Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007335 ngày 17 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 5-Vĩnh Long.
- TAND tỉnh Vĩnh Long.
- Phòng THADS khu vực 5.
- UBND xã P.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương